

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/HNGĐ-ST
Ngày 27/4/2018
V/v: *Tranh chấp về hôn nhân
và gia đình*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY - TỈNH THÁI BÌNH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ngô Thế Tương

Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Hồng Thiêm và bà Vũ Thị Thúy

Thư ký phiên toà: Bà Lê Nhật Khánh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên toà :

Bà : Phạm Thị Thanh Hải – Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thái Thụy, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2018 về Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20 ngày 27 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15 ngày 11 tháng 4 năm 2017 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị H**, sinh năm 1987 (Có đơn xin xử vắng mặt)

Trú tại: thôn , xã B, huyện L, tỉnh Hà Nam

Bị đơn: Anh **Phạm Đình M**, sinh năm 1985 (Vắng mặt lần thứ 2)

Trú tại: thôn N, xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Đỗ Thị H trình bày: Chị và anh Phạm Đình M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 18/11/2011 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Do tính tình không hợp đến tháng 6 năm 2015 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn vợ chồng cãi nhau, không còn tôn trọng nhau, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ để ở và sinh sống. Vợ chồng sống ly thân đã hơn 02 năm nay không ai còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, có chung sống với nhau cũng không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

Về con chung : Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Đỗ Bích N, sinh ngày 16/5/2015. Hiện nay con chung đang ở với chị, chị đề nghị được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của ông Phạm Đình L (bố đẻ anh M) cung cấp: Anh M và chị H kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, Sau khi kết hôn vợ chồng đi làm ăn tại Hà Nội. Chị H và anh M mâu thuẫn như thế nào thì gia đình không nắm rõ, nếu vợ chồng cương quyết ly hôn thì gia đình tôn trọng ý kiến và tùy anh M và chị H. Gia đình đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp và các giấy tờ của Tòa án và báo cho anh M biết nhưng anh M không có ý kiến gì. Anh M và chị H có 01 con chung, hiện nay đang ở với chị H, ông L đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của cháu H, còn về tài sản chung thì gia đình không nắm rõ.

Tại biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã H thì địa phương cung cấp: Anh M và chị H có đăng ký kết hôn vào ngày 18/11/2011 tại UBND xã H. Quá trình chung sống giữa chị H và anh M có phát sinh mâu thuẫn, UBND xã đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành do anh M đi làm ăn xa, không thường xuyên có mặt tại địa phương. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có gửi giấy triệu tập và thông báo thụ lý vụ án nhờ UBND xã giao cho anh M, chính quyền địa phương đã giao cho gia đình anh M. Anh M và chị H có một con chung, hiện nay con chung đang ở với chị H, còn tài sản chung của vợ chồng thì

địa phương không nắm được. Chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn giữa anh M và chị H theo quy định của pháp luật .

Trong quá trình giải quyết vụ án và đơn xin xử vắng mặt chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu trên, không thay đổi, bổ sung gì, còn bị đơn là anh Phạm Đình M đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của ông Phạm Đình L (bố đẻ anh M) và biên bản xác minh tại chính quyền địa phương có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều đúng quy định của pháp luật, việc bị đơn đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do là vi phạm nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Chị Đỗ Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt có căn cứ, còn anh Phạm Đình M đã được Toà án đã triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà. Căn cứ Điều 28, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh M và chị H.

Về nội dung:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị H và anh Phạm Đình M kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp. Nhưng mới chung sống với nhau được một thời gian đã phát sinh mâu thuẫn, chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ để ở và sinh sống. Nguyên nhân chính cũng là do thời kỳ trước hôn nhân hai bên không tìm hiểu về tính cách cũng như tâm tư tình cảm của nhau nên khi chung sống cùng nhau đã không có tiếng nói chung và nhanh chóng không còn tình cảm, không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét hôn nhân của anh M và chị H chỉ còn là hình thức, vì trên

thực tế chị H và anh M đã sống ly thân hơn 02 năm nay. Chị H xin ly hôn anh M là hoàn toàn có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[2]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Đỗ Bích N, sinh ngày 16/5/2015. Hiện nay con chung đang ở với chị H, chị H đề nghị được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Xét đề nghị trên của chị H là hoàn toàn có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H xác định chị và anh M không có tài sản chung và cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết .

[4]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016 về Án phí, Lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho chị Đỗ Thị H được ly hôn anh Phạm Đình M.

2. Về con chung: Giao con chung là Phạm Đỗ Bích N, sinh ngày 16/5/2015 cho chị Đỗ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H. Anh M có quyền đi lại thăm nom, giáo dục con chung, chị H không được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai số

0001294 ngày 03/01/2018 tại cơ quan Thi hành án dân sự huyện T sang thi hành án phí. Chị H đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo bản án

Chị Đỗ Thị H và anh Phạm Đình M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thái Thụy
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy
- TAND tỉnh TB
- UBND xã H
- Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thế Tương